

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẬN HÀ ĐÔNG  
TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**  
**TRƯỜNG MẦM NON HÒA BÌNH**  
**Giai đoạn 2024-2029**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-MNHB ngày 30/8/2024 của Trường mầm non Hòa Bình)*

## PHẦN MỘT

### NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

#### A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, bước đầu hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, rèn luyện những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Khơi dậy trong trẻ tình yêu thương, chia sẻ, tôn trọng người khác và ý thức trách nhiệm của bản thân với thế giới bên ngoài. Qua đó trẻ được khám phá thử nghiệm và học hỏi thông qua các hoạt động vui chơi và tương tác, có hứng thú đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, sáng tạo; phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, góp phần tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai của trẻ.

##### **1. Tâm nhìn:**

Khẳng định chất lượng việc CSGD trẻ tại nhà trường luôn đạt chuẩn, phấn đấu trở thành một trong những trường đạt chuẩn quốc gia. Với phương châm lấy yêu thương làm nền tảng, luôn tôn trọng, đề cao sự khác biệt của mỗi cá nhân và không ngừng hướng đến sự phát triển toàn diện.

Với chủ trương: Khi đến trường, trẻ vừa lĩnh hội được tri thức, vừa nhận thấy đi học là hạnh phúc, là niềm vui; để trẻ phát triển tư duy, năng lực và lòng nhân ái, nhà trường là nơi mà mọi hoạt động đều phải lấy trẻ làm trung tâm, nơi để gieo yêu thương, hạnh phúc và lòng tin của phụ huynh gửi gắm con yêu, đáp ứng nhu cầu mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

##### **2. Sứ mệnh:**

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân; để các con trở thành những người ham học, biết cách học và biết cư xử phải phép. Tạo dựng một đội ngũ giáo viên đạo đức, nhân ái, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội. Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ với phương châm "Cháu vui vẻ - Cô hạnh phúc".

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để các cháu được phát triển toàn diện, bước đầu hình thành nhân cách của người chủ tương lai của đất nước.

##### **3. Giá trị cốt lõi:**

Tạo dựng được môi trường học tập nề nếp, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm có chất lượng để các cháu được phát triển toàn diện, bước đầu hình thành nhân cách của người chủ tương lai của đất nước

Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình thương yêu, sự công bằng, tôn trọng và trách nhiệm “Cô giáo là người mẹ thứ hai của trẻ”, "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui".

Luôn đổi mới và vận dụng các phương pháp giáo dục hiện đại; Thái độ đúng mực và đáp ứng nguyện vọng chính đáng của bậc Cha Mẹ.

Đề cao và phát huy đạo đức nhà giáo, tuân thủ quy chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non

## **B. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

### **I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

### **II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm – sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

- Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lý các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

### III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ đầu vào, hằng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế ở địa phương. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

#### PHẦN HAI

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

#### A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục nhà trẻ của Trường Mầm non Hòa Bình nhằm giúp trẻ từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Tăng cường phát triển các tố chất vận động ban đầu và các giác quan, phát huy tối đa khả năng cá nhân; mạnh dạn, hồn nhiên, thích tìm hiểu, khám phá; biết giao tiếp với những người xung quanh; biết phòng tránh một số tình huống đơn giản không an toàn với bản thân.

Với trẻ em từ 24 - 36 tháng tuổi, trẻ em bắt đầu thể hiện ý thức nhiều hơn về thể giới xung quanh. Chương trình học mẫu giáo cho trẻ em từ 24 - 36 tháng tuổi sẽ chú trọng phát triển, nâng cao cho các bé về mọi mặt từ thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm đến kỹ năng xã hội, thẩm mỹ phù hợp với độ tuổi.

#### I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

<b>NHÀ TRẺ 24 -36 THÁNG</b>	
<b>MỤC TIÊU</b>	
<b>1.Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	1.Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.
<b>2.Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b>	2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay
	3. Thực hiện phối hợp vận động tay-mắt: tung-bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m.
	4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.
	5. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay

	(tối thiểu 1,5 m).
<b>3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay</b>	6. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo”.
	6 a. Bước đầu trẻ thao tác bê, cắt ghế; tụt và kéo quần khi đi vệ sinh; cắt dép, ba lô đúng nơi quy định; đi lên xuống cầu thang; biết cầm thìa xúc cơm.
	7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
<b>4. Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</b>	8. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.
	9. Ngủ đủ một giấc buổi trưa
	10. Đi vệ sinh đúng nơi qui định
<b>5. Thực hiện một số việc tự phục vụ giữ gìn sức khỏe</b>	11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)
	12. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.
<b>6. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn</b>	13. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.
	14. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn....) khi được nhắc nhở

## II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

<b>NHÀ TRẺ 24 -36 THÁNG</b>	
<b>MỤC TIÊU</b>	
<b>1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan</b>	15. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.
<b>2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi</b>	16. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	16 a. Chơi các trò chơi với nước và cát có sự hỗ trợ của người lớn

	17. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi
	18. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	18 a. Bước đầu biết định hướng không gian: Trên - dưới, trước-sau; nhận biết hình dạng vuông - tròn.
	19. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.
	19a. Nhận biết, gọi tên 1 số nhạc cụ gần gũi.
	20. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.
	20a. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi một số màu khác theo yêu cầu.
	21. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.

### III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

<b>NHÀ TRẺ 24 -36 THÁNG</b>	
<b>MỤC TIÊU</b>	
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>	22. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”!.
	23. Trả lời các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “...thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?,....)
	24. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trẻ nói được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.
<b>2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu</b>	25. Phát âm rõ tiếng.
	26. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.
	27. Nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.
	28. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi, trò chuyện.

	- Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? Cái gì đây?,....
	29. Nói to, đủ nghe, lễ phép
	29 a. Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu lời nói .Tự nhiên trong giao tiếp.

#### IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ

<b>NHÀ TRẺ 24 -36 THÁNG</b>	
<b>MỤC TIÊU</b>	
<b>1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân</b>	30. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)
	31. Thể hiện điều mình thích và không thích.
<b>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi</b>	32. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.
	33. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
	34. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.
	35. Biểu lộ sự than thien với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi
	35a. Nhận ra, yêu thích vẻ đẹp của của các sự vật, hiện tượng (giai điệu, lời ca, tranh ảnh, tượng, sản phẩm...) trong các tác phẩm nghệ thuật và trong hoạt động nghệ thuật ( múa, hát, vẽ dán...)
<b>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản</b>	36. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.
	37. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
	38. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác
	39. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
<b>4. Thể hiện cảm xúc qua hát,</b>	40. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.

<b>vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh</b>	41a. Nhận ra, yêu thích và diễn đạt được (bằng ngôn ngữ, bằng vận động cơ thể, cử chỉ điệu bộ) về bản thân
	41b. Vận động sáng tạo theo cảm nhận của bản thân, phù hợp với tính chất, giai điệu của bài hát, bản nhạc
	41. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh ( Cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).

## **B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

### **I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt phù hợp với sự phát triển của trẻ nhà trẻ từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi.

- Thời điểm nghỉ hè, lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với môi trường nhà trẻ. Thời gian cho từng hoạt động có thể linh hoạt 5 - 10 phút.

#### **1. Trẻ 24 -36 tháng tuổi**

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.

- Ngủ: 1 giấc trưa (khoảng 150 phút)

#### **Chế độ sinh hoạt lứa tuổi 24-36 tháng tuổi:**

<b>Thời gian</b>	<b>Thời lượng</b>	<b>Hoạt động</b>
8h15 - 8h30	15 phút	Thế dục sáng – Điểm danh trẻ Uống nước – Vệ sinh cá nhân
8h30 - 9h00	30 phút	Chơi tập có chủ đích
9h00 - 9h30	30 phút	HD vui chơi



<b>Thời gian</b>	<b>Thời lượng</b>	<b>Hoạt động</b>
		Vệ sinh- Uống nước
9h30 - 10h00	45 phút	HĐ ngoài trời Vệ sinh- Uống nước
10h00 - 10h20	20 phút	HĐ vệ sinh
10h20 - 11h00	40 phút	Ăn bữa chính
11h00 - 13h45	165 phút	Vệ sinh - Ngủ trưa
13h45 - 14h15	30 phút	Vệ sinh cá nhân – Vận động nhẹ
14h15 - 15h	30 phút	Uống sữa - Hoạt động chiều.
15h - 16h00	60 phút	Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính
16h00- 16h15	15 phút	Vệ sinh cá nhân - Uống nước.
16h15 - 17h15	60 phút	Trả trẻ- Chơi các góc
17h15-17h30	15 phút	Trả trẻ- Vệ sinh lớp

**Ghi chú:** Thời điểm tổ chức các hoạt động sự kiện được linh hoạt đan xen trong các hoạt động trong ngày của trẻ.

## **C. NỘI DUNG**

### **I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE.**

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi, với mức tiền ăn
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương

Nhóm tuổi: 24 - 36 tháng: Cơm nát

Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng/ ngày/trẻ 600 - 615 Kclo

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Tối thiểu hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25 % đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 12 - 15 % năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 35 - 40 % năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 45 – 53 % năng lượng khẩu phần.

-Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít / trẻ / ngày (kể cả nước trong thức ăn nhà trường sử dụng nước lavie trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.

Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Nhà trường đặc biệt chú trọng việc chăm sóc – nuôi dưỡng trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.

- Số lượng trẻ 25-30 trẻ/lớp với 2 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc - nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

### 1. Tổ chức ăn

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Số bữa ăn tại trường: hai bữa chính và một bữa phụ.

- Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn hàng ngày: có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa Yalkul hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai đến thứ bảy thực phẩm được kết hợp hài hòa trong bữa ăn của trẻ và có ăn tráng miệng. Tổ chức ăn tự chọn vào thứ sáu hàng tuần và ăn buffet đặc biệt vào các dịp lễ hội.

+ Bữa chính (chiều): Do đặc thù của nhà trường có 1 nhóm trẻ nên chính chiều trẻ ăn cháo, phở, miến giống như thực đơn trẻ mẫu giáo

+ Bữa phụ (chiều): Uống sữa. Sữa bột G+

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13-20%; L:30-40% (Tỷ lệ L động vật/ L thực vật= 70% và 30%); G: 47-50%; Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ, Canxi: 350mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.41mg B1/ngày/trẻ.

- Tăng cường ăn bổ sung phòng chống nóng, phòng chống rét, phòng chống dịch

## 2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 24 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cao cấp cho cá nhân trẻ; có điều hòa 2 chiều; rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông.

- Có hệ thống quạt, điều hòa nhiệt độ, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

## 3. Vệ sinh

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng qui định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Rửa tay, rửa mặt đúng cách. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ, khăn thấm mồ hôi...

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

## 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.

- Khám mắt và tư vấn mỗi năm một lần cho trẻ

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lý ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp: cháy nổ, đuối nước, sự nguy hiểm của vật sắc nhọn...

- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử...

- Tổ chức hội thảo tư vấn cho phụ huynh về: Những vi chất dinh dưỡng cần thiết cho sức khỏe, tâm vóc và trí thông minh cho trẻ; Những điều cha mẹ cần biết để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.....

- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.

## II. GIÁO DỤC

### \* Nội dung giáo dục

#### 1. Giáo dục phát triển thể chất

NỘI DUNG	24 – 36 THÁNG TUỔI
<b>1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	Hô hấp: tập hít vào thở ra - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lung, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vịn người sang hai bên - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
<b>2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</b>	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng có mang vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò, trườn qua vật cản - Tập đi, chạy: + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp + Đi có mang vật trên tay + Chạy theo hướng thẳng. Đứng co một chân Tập nhún bật

NỘI DUNG	24 – 36 THÁNG TUỔI
	Bật tại chỗ Bật qua bài kẻ Tập tung, ném, bắt : +Tung - bắt bóng cùng cô + Ném bóng về phía trước +Ném bóng vào đích
<b>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, và phối hợp tay- mắt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo vò xé</li> <li>- Đóng cọc làm bàn gỗ</li> <li>- Nhóm nhật đồ vật</li> <li>- Tập sâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây</li> <li>- Chắc ghép hình</li> <li>- Chồng, xếp 6 - 8 khối</li> <li>- Tập cầm bút tô, vẽ</li> <li>- Lật mở trang sách</li> </ul>

## 2. Giáo dục phát triển nhận thức

### a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

- Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

### b) Nhận biết

- Tên gọi, chức năng một số bộ phận cơ thể của con người.

- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.

- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.

- Một số màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh), kích thước (to - nhỏ), hình dạng (tròn, vuông), số lượng (một - nhiều) và vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

<b>NỘI DUNG</b>	<b>25 – 36 THÁNG TUỔI</b>
<p><b>1. Luyện tập và phối hợp các giác quan:</b> Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.</li> <li>- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.</li> <li>- Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.</li> <li>- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì</li> </ul>
<p><b>2. Nhận biết:</b> Một số bộ phận của cơ thể con người</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.</li> </ul>
<p>Một số đồ dùng, đồ chơi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> </ul>
<p>Một số phương tiện giao thông quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.</li> </ul>
<p>Một số con vật, hoa, quả quen thuộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.</li> </ul>
<p>Một số màu cơ bản và <i>một số màu khác theo khả năng của trẻ</i>, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Màu đỏ, vàng, xanh.</li> <li>- <i>Màu sắc xung quanh trẻ theo khả năng</i></li> <li>- Kích thước to - nhỏ.</li> <li>- Hình tròn, hình vuông.</li> <li>- Vị trí trong không gian (<i>trên - dưới, trước - sau</i>) so với bản thân trẻ.</li> <li>- Số lượng một - nhiều.</li> </ul>
<p>Bản thân, người gần gũi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.</li> <li>- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.</li> </ul>

<b>NỘI DUNG</b>	<b>25 – 36 THÁNG TUỔI</b>
	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.
<i>Cát, nước</i>	- <i>Nước và cát</i>
<i>Một số nhạc cụ quen thuộc</i>	- <i>Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của nhạc cụ quen thuộc.</i>

### **3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

#### **a, Nghe**

- Nghe các giọng nói khác nhau
- Nghe hiểu các từ và câu chỉ đồ vật sự vật hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi

#### **b, Nói**

- Phát âm các âm khác nhau
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản
- Thể hiện nhu cầu cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói

#### **c, làm quen với sách**

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh

<b>NỘI DUNG</b>	<b>26 – 36 THÁNG TUỔI</b>
<b>1. Nghe</b>	- Nghe và thực hiện các yêu cầu và lời nói - Nghe các câu hỏi: “ cái gì ?”; “ làm gì”; “ để làm gì”; “ ở đâu?”; “ như thế nào?” - Nghe các bài thơ, đồng giao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn
<b>2. Nói</b>	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời và đặt câu hỏi: “cái gì?”, “làm gì?”; “ở đâu?”; “tại sao?”...</li> <li>- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 – 2 câu đơn giản và câu dài</li> <li>- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 – 4 tiếng.</li> <li>- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.</li> <li>- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn</li> </ul>
<b>3.Làm quen với sách</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắng nghe khi người lớn đọc sách</li> <li>- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh</li> </ul>

#### **4. Giáo dục phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ**

##### **a, Phát triển tình cảm**

- Ý thức về bản thân
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc

##### **b, Phát triển kĩ năng xã hội**

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi
- Hành vi văn hoá và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp sinh hoạt

##### **c, Phát triển cảm xúc thẩm mỹ**

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc
- Vẽ, nặn, xé, dán, xếp hình, xem tranh

<b>NỘI DUNG</b>	<b>27 – 36 THÁNG TUỔI</b>
<b>1.Phát triển tình cảm</b>	
Ý thức về bản thân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân</li> <li>- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình</li> </ul>



Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, tức giận
<b>2. Phát triển kỹ năng xã hội</b>	
Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi	- Giao tiếp với những người xung quanh - Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi - Quan tâm đến vật nuôi
Hành vi văn hoá giao tiếp đơn giản	- Thực hiện một số hành vi văn hoá và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn không cầu bạn - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
<b>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ</b>	
Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc
Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình - Xem tranh, ảnh

## **D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

#### **1. Hoạt động với đồ vật.**

Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi 24- 36 tháng là hoạt động với đồ vật, là một phần quan trọng trong chương trình giáo dục mầm non. Thông qua với hoạt động với đồ vật trẻ có nhiều cơ hội khám phá, tìm tòi thế giới xung quanh. Phát triển kỹ năng vận động tinh, tư duy của trẻ.

#### **2. Hoạt động chơi.**

- Hoạt động chơi của trẻ từ 24 – 36 tháng rất phong phú và đa dạng, giúp trẻ phát triển các kĩ năng quan trọng như: vận động, ngôn ngữ, tư duy và xã hội.

Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ảnh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

### **3. Hoạt động chơi-tập có chủ đích:**

- Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

### **4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

- Đây là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh lí của trẻ, đồng thời hình thành một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ. Trẻ được làm quen và thực hiện được một số thói quen tự phục vụ đơn giản và ứng dụng 1 số hoạt động thực hành cuộc sống đơn giản theo phương pháp Montessori

## **II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

### **1. Theo mục đích và nội dung giáo dục có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và các hoạt động dựa trên ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày khai giảng, Tết Trung thu; Ngày lễ Noel; Tết cổ truyền, Hội thi Bé khỏe - Bé ngoan; Tết thiếu nhi (ngày 1/6) ...), huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh cùng nhà trường tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ.

- Tổ chức hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo, huy động sự tham gia của các bậc phụ huynh

### **2.Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời: sân, sảnh

### **3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm lớn

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

Đối với Nhà trẻ nên chú trọng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

**\* Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giúp trẻ có kỹ năng tự phục vụ: Cài cởi cúc áo, bê ghế, đi cầu thang...
- Tăng cường các hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường xã hội gần gũi.
- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động chơi tập có chủ đích và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng vận động của trẻ.
- Đan xen lồng ghép các nội dung phát triển VĐ và các giác quan, linh hoạt, phù hợp.
- Tăng cường tổ chức các ngày hội có tác dụng bổ trợ kiến thức, kỹ năng cho trẻ: Ngày Hội các trò chơi vận động, Hội chợ Xuân; sinh nhật của trẻ; Du lịch xanh; hoạt động giao lưu...
- Cho trẻ được hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường gần gũi. Tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ ở mọi lúc mọi nơi dưới nhiều hình thức.

### **III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

#### **1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm**

- Dùng cử chỉ vỗ về, gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh

#### **2. Nhóm phương pháp trực quan- minh họa**

- Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh, các thiết bị hiện đại, công nghệ...), hành động mẫu (lời nói, cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp cận thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương pháp trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc, kết hợp sử dụng lời nói và đan xen nhau cho phù hợp.

#### **3. Nhóm phương pháp thực hành.**

##### **a. Hành động, thao tác với đồ vật.**

- Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật, vật thật dưới sự quan sát, gợi ý, hỗ trợ và tác động của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc đập, mở đóng, tháo lắp, xếp cạnh, xếp chồng, lồng, bỏ vào, lấy ra, xâu luồn...)
- Tổ chức cho trẻ thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi, vật thật theo các thao tác đơn lẻ hoặc làm quen với một số quy trình đơn giản, phù hợp với lứa tuổi để trẻ tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

### **b. Trò chơi.**

- Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh phát triển lời nói và vận động phù hợp.

### **c. Luyện tập.**

- Tổ chức lặp đi, lặp lại các hoạt động, trò chơi, câu hỏi, động tác, hành vi...phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Cô hướng dẫn sao cho thật dễ hiểu để trẻ thực hiện được các hành động, động tác luyện tập.

### **4. Phương pháp dùng lời nói**

- Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp với cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ. Đối với trẻ nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ là chủ yếu.

- Đặc biệt coi trọng việc sử dụng hệ thống câu hỏi đơn giản mang tính gợi mở để phát triển khả năng tư duy và ngôn ngữ của trẻ
- Tăng cường sự giao tiếp của trẻ với cô giáo, các bạn và mọi người xung quanh. Khuyến khích trẻ được bộc lộ, thể hiện bản thân.

### **5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

- Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

- Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

#### ***\* Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:***

- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:
  - + Phương pháp Montessori (áp dụng những kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống đơn giản, vận động tinh... trong lĩnh vực phát triển thể chất, tình cảm xã hội được tổ chức thực hiện đan cài trong các hoạt động hàng ngày)
  - + Phương pháp học thông qua chơi dựa trên phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm được áp dụng trong các hoạt động chơi của trẻ, trẻ được chơi tự do qua đó tự học dưới sự quan sát, đánh giá của giáo viên, giáo viên tác động, hỗ trợ khi cần thiết và giúp trẻ phát triển tối đa năng lực của bản thân.

## **IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

## **1. Môi trường vật chất**

### **a, Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/ lớp**

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sặc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, phá ra tiếng kêu và có thể di chuyển được
- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lí, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi tham gia vào hoạt động, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên
- Trẻ 24-36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ

### **b, Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời.**

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp
- Có vườn cây, bồn hoa cây cảnh, khu vui chơi cho trẻ.

## **2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

## **E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Đánh giá sự phát triển của trẻ là quá trình thu thập thông tin về trẻ một cách có hệ thống và phân tích và đối chiếu với mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non, nhận định về sự phát triển của trẻ nhằm điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ một cách phù hợp.

### **I.ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY**

#### **1. Mục đích đánh giá**

Mục đích của việc đánh giá nhằm xác định nhu cầu, hứng thú và khả năng của từng trẻ để giáo viên có thể lựa chọn những tác động chăm sóc giáo dục thích hợp. Đồng thời giáo viên có thể nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình giáo dục của mình để từ đó kịp thời điều chỉnh việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày sao cho phù hợp với trẻ.

#### **2. Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khoẻ của trẻ

- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ
- Kiến thức kỹ năng của trẻ
- Những sản phẩm trẻ tạo ra trong quá trình hoạt động
- Mức độ trẻ đạt được so với mục đích, yêu cầu đặt ra
- Những vấn đề cần lưu ý trong việc tổ chức hoạt động giáo dục tiếp theo.

### **3. Phương pháp đánh giá**

Để đánh giá trẻ trong các hoạt động hằng ngày, giáo viên thường sử dụng các phương pháp đánh giá đơn giản, không cần chuẩn bị trước nhiều và cũng không làm mất nhiều thời gian như: quan sát, trò chuyện, sử dụng những bài tập đánh giá do giáo viên tự thiết kế.v.v.. Hằng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục.

- Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá trẻ như:
- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha, mẹ / người chăm sóc trẻ

## **II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

### **1.Mục đích đánh giá**

Nhằm xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn/chủ đề tiếp theo, giáo viên tiến hành đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-kỹ năng xã hội (đối với trẻ nhà trẻ) và thẩm mỹ (đối với trẻ mẫu giáo).

### **2. Nội dung đánh giá**

Giáo viên đánh giá kết quả đạt được của trẻ so với mục tiêu phát triển của độ tuổi về các lĩnh vực phát triển theo quy định của chương trình GDMN hoặc theo mục tiêu yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ được xác định của chủ đề giáo dục/giai đoạn. Đồng thời đánh giá sự phù hợp của những nội dung cũng như các hoạt động giáo dục của chủ đề/tháng với năng lực của trẻ, xác định nguyên nhân để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của chủ đề/giai đoạn giáo dục tiếp theo.

### 3. Phương pháp đánh giá

Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ tùy thuộc vào sự lựa chọn và sử dụng của giáo viên sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của lớp, của trường. Giáo viên có thể sử dụng kết quả đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ sau chủ đề để làm cơ sở đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi.

- Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:
- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha, mẹ / người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ, được lưu vào hồ sơ cá nhân và thông báo cho cha mẹ trẻ cũng như giáo viên phụ trách nơi trẻ sẽ nhập học tiếp theo để cùng phối hợp đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

### 4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất căn cứ sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

## PHẦN BA

### CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

#### A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 – 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. Trẻ được phát triển tối đa năng lực của bản thân. Chú trọng phát triển kỹ năng vận động, phát triển tư duy logic và giải quyết vấn đề một cách độc lập sáng tạo. Là tiền đề vững chắc cho sự phát triển toàn diện của trẻ bước vào cấp tiểu học và cuộc sống xã hội.

#### I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

Mẫu giáo Bé	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Lớn
<b>*Phát triển vận động</b>		
<b>1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>		
1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.
<b>2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động</b>		
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3 m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.
3. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	<i>2a: Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m X 0,25m X 0,35m)</i>	<i>2a. Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu</i> <i>- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)</i>
4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	3. Kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc).	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).



<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.</p>	<p>4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp</p>	<p>4. - Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện(khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4- 5 lần liên tiếp</p>
	<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài</p>	<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, bền, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.</p>
<p><b>3. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt</b></p>		
<p>6. Thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay. Gập, đan ngón tay vào nhau.</p>	<p>6. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay</p>	<p>6. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay</p>
<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ được hình tròn theo mẫu. Cắt thẳng được một đoạn 10cm. Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. Tự cài, cởi cúc.</p>	<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi.</p>	<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu vào đúng vị trí, không bị nhăn</p>

	- Tự cài, cời cúc, buộc dây giày	- Tự cài cúc, cời cúc, mặc và cời được áo, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya.
		<i>7a. Nâng cao tố chất vận động nhanh nhẹn, khéo léo và bền bỉ, phối hợp nhịp nhàng trong hoạt động. Nâng cao các vận động tinh, nhóm cơ nhỏ. Tăng cường kỹ năng vận động phối hợp</i>
<b>b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</b>		
<b>1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe</b>		
8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	8. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.....	8. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...
9. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
10. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	10. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	10. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.
<b>2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt</b>		
11. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng. Tháo tất, cời quần, áo .....	11. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.	11. Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng - Tự lau mặt, đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào

	- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn	nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch
12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	12. Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	12. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
		<i>12a. Chủ động, tự tin, thực hiện thành thạo một số kỹ năng thực hành cuộc sống (ứng dụng phương pháp Montessori), kỹ năng tự phục vụ đảm bảo sự tuân thủ theo đúng nguyên tắc kỷ luật trật tự trong quá trình hoạt động.</i>
<b>3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</b>		
13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	13. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
<i>13a. Thích thú tham gia và thực hiện đúng quy trình một số kỹ năng thực hành cuộc sống (lồng ghép Montessori), kỹ năng tự phục vụ phù hợp với độ tuổi theo sự hướng dẫn của cô</i>	14. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy	14. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh: - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.

	<p>máu hoặc sốt....</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi qui định.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....</li> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.</li> </ul>
<p>14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <p>Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</p> <p>Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu</p>		
<p><b>4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh</b></p>		
<p>15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở.</p>	<p>15. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p>	<p>15. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn</p>
<p>16. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p><i>15a: Nhận biết hành động nguy hiểm không an toàn( leo trèo bàn ghế, ban công, tường rào)...</i></p>	
<p>17. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <p>Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....</p> <p>Không tự lấy thuốc uống</p> <p>Không leo trèo bàn ghế, lan can.</p>	<p>16. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước, ... là nguy hiểm không được chơi gần.</p>	<p>16. Biết những nơi như: Hồ ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.</p>

<p>Không nghịch các vật sắc nhọn.</p> <p>Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</p>		
<p><i>17a. Không để cho người lạ bế ẵm, không đi theo, nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép, không tự ý ra khỏi nhà và khu vực trường lớp, biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.</i></p>	<p>17. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.</li> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul>	<p>17. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...</li> <li>- Biết không tự ý uống thuốc.</li> <li>- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe</li> </ul>
		<p><i>17a. Nhận biết các nguy cơ lây nhiễm, cách phòng tránh dịch bệnh theo mùa và biết tuyên truyền với mọi người</i></p>
	<p>18. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> <li>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình số điện thoại người thân và khi cần thiết.</li> </ul>	<p>18. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người lớn đến giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</li> <li>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Không để cho người lạ bế ẵm, không đi theo, nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép</li> <li>- Không tự ý ra khỏi nhà và khu vực trường lớp, khi không được pháp của người lớn, cô</li> </ul>

		giáo - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện của bố ,mẹ, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
		19. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

## II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
<b>a. Khám phá khoa học</b>		
<b>1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng</b>		
18. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	19. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị ướn?”....	20. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”...
19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	20. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	21. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
20. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp	21. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn	22. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn

đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
		<i>22a. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên</i>
21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	23. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	24. Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
		<i>24a. Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại</i> <i>- Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng</i>
<b>2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản</b>		
23. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	24. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	25. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”
	25. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	26. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.
<b>3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau</b>		
24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối	26. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự	27. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác

tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
	<i>26a. Nhận biết được một số đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa quả gần gũi.</i>	<i>27a. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung - Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống</i>
25. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... như:  - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ...  - Hát các bài hát về cây, con vật...  - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.	27. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	28. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
	<i>27a: Biết những bài hát, bản nhạc mình thích, biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn</i>	<i>28a. Biết lựa chọn trò chơi an toàn để chơi, biết những bài hát, bản nhạc mình thích, biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn</i>
<b><i>b. Khám phá xã hội</i></b>		
<b>1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</b>		
26. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	28. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  - Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	29. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  - Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.



27. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	29. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	30. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
28. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	30. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	31. Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
29. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	31. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	32. - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	32. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	33. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.
	33. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	34. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
<b>2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</b>		
30. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	34. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi...của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	35. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”
<b>Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh</b>		
31. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh - Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	35. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh - Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	36. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh -Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được

		nghe làm và cho em đi chơi công viên...”
32. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	36. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	37. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
<b>3. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>		
<b>1. Nhận biết số đếm, số lượng</b>		
33. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	37. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”...	38. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Đây là mấy?”...
34. Đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5	38. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	39. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
<i>34a. Đếm vẹt đến 10 và đếm theo khả năng. Đếm ngược từ 0-5. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-5</i>	<i>38a. Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 10. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10</i>	<i>39a. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 20 Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 20; Đếm chẵn, đếm lẻ; Đếm cách 5,10. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10 và tiếp theo theo khả năng</i>
35. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	39. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	40. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất.
36. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. đếm và nói kết quả.	40. Gộp hai nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5. Đếm và nói kết quả.	41. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.
37. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	41. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	42. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau
<i>37a. Sử dụng các số từ 0-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.</i>	42. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	43. Nhận biết và sử dụng các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng.

	<i>42a. Sử dụng các số từ 0-10 để chỉ số lượng, số thứ tự.</i>	<i>43a. Nhận biết và sử dụng các số từ 0 đến 20 và theo khả năng để chỉ số lượng, số thứ tự.</i>
	43. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	44. Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
<b>2. Sắp xếp theo qui tắc</b>		
38. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	44. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	45. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.
		46. Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.
		47. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
<b>3. So sánh hai đối tượng</b>		
39. So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	45. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	48. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả
	<i>45a. So sánh kích thước 3 đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn và ngược lại.</i>	<i>48a. So sánh kích thước các đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn, từ nặng đến nhẹ và ngược lại. Nhận ra mối liên quan giữa kích thước của đối tượng.</i>
<b>4. Nhận biết hình dạng</b>		
40. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	46. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	49. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật
	47. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra	<i>49a. Chắp ghép, tạo ra các hình hình học,</i>

	các hình đơn giản.	<i>các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu</i>
<b>5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian</b>		
41. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	48. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	50. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
	49. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	51. Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.
		<i>51a. Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ</i>

### III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>		
42. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	50. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp. Ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	52. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể. VD: “ Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái
43. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	51. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	53. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng, (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập)...
44. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	52. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	54. Lắng nghe và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp - Nhận xét ý kiến của người đối thoại
		<i>54a. Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ</i>

<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày</b>		
45. Nói rõ các tiếng.	53. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	55. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
46. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ..	54. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	56. Sử dụng các từ chỉ tên gọi, sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
47. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	55. Sử dụng các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	57. Sử dụng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh..
48. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	55a. <i>Biết sử dụng câu có đủ chủ ngữ, vị ngữ, không nói trống không trong giao tiếp</i>	57a. <i>Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.</i> <i>- Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động nhóm.</i>
49. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	56. Kể lại sự việc theo trình tự	57b. <i>Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói</i>
50. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	57. Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao...	58. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái ..... của nhân vật.
51. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	58. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	59. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
52. Sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	59. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	60. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
53. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.		61. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
	60. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	62. Sử dụng các từ: “ Cảm ơn”; “Xin lỗi”; “ Xin phép”; “ Thưa”; “ Dạ”; “ Vâng”...Phù hợp với tình huống.

	61. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	63. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh
<b>3. Làm quen với việc đọc, viết</b>		
54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	62. Chọn sách để xem	64. Chọn sách để đọc và xem
<i>54a. Dự đoán tên truyện, nội dung truyện thông qua tranh minh họa, Dự đoán tình tiết tiếp diễn xảy ra trong câu chuyện</i>	63. Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh	<i>64a. Thích thú với sách; Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách</i>
<i>54b. Kể nối tiếp theo truyện kể của cô, - Kể chuyện theo sơ đồ, đồ vật, theo tranh.</i>	64. Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	65. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
<i>54c. Tiếp xúc với chữ, tạo thói quen đọc sách truyện, cách sử dụng và giữ gìn sách, mô phỏng các hành động đơn giản, cảm xúc của nhân vật</i>	<i>64a. Thích thú với sách, có hành vi giữ gìn bảo vệ sách. “Đọc” theo truyện tranh đã biết</i>	66. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách
55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	65. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, cấm lửa...	<i>66a. Có hành vi như người đọc sách - “Đọc” theo truyện tranh đã biết .</i>
56. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	66. Sử dụng các ký hiệu để “viết” : tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	67. Nhận ra một số ký hiệu thông thường như: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông
		<i>67a. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân</i>
		68. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt
		69. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.

		<i>69a. Biết tô, sao chép tiếng, từ, chữ cái theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới</i>
--	--	---

#### IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM - KĨ NĂNG XÃ HỘI

<b>1. Thể hiện ý thức về bản thân</b>		
57. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	67. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân tên bố, mẹ.	70. Nói được: Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
58. Nói được điều bé thích, không thích.	68. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé có thể làm được.	71. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và không làm được
		<i>71a. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân</i> - Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
		72. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ, giới tính, sở thích, khả năng).
		<i>72a. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.</i> - Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. - Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
		73. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
		<i>73a. Biết yêu quý và tự hào về bản thân và gia đình.</i>

		74. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
		74a. Trẻ có hành vi cụ thể thể hiện sự chia sẻ và lòng biết ơn (Giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn....)
<b>2. Thể hiện sự tự tin, tự lực</b>		
59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	69. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	75. Tự làm một số công việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	69a. Có một số kỹ năng tự học. Biết liên hệ các kiến thức đã học theo độ tuổi vào cuộc sống xung quanh trẻ.	75a. Có khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi.
	70. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	76. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.
		76a. Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp đoàn kết khi tham gia hoạt động
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>		
61. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	71. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	77. Nhận biết một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác
62. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	72. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	78. Biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ
63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	73. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ	78a. Biết yêu quý và tự hào về bản thân và gia đình.
64. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	74. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	79. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè



	75. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước	79a. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi - Có nhóm bạn chơi thường xuyên - Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn - Sẵn sàng giúp đỡ khi bạn, người khác gặp khó khăn
		80. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
		81. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
		82. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
<b>4. Hành vi và qui tắc ứng xử xã hội</b>		
65. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	76. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	83. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: - Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định - Không làm ồn nơi công cộng, - Vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
66. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	77. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	84. Biết nói lời chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép
67. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	78. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	84a. <i>Biết ứng xử phù hợp với các tình huống trong cuộc sống</i>

68. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	79. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	85. Chú ý lắng nghe cô và bạn nói, không ngắt lời người khác
	80. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	86. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động
	<i>80a. Biết làm việc cá nhân và phối hợp với bạn</i> <i>- Thể hiện sự quan tâm với người thân và bạn bè.</i>	87. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm của mình với các bạn
		<i>87a. Trẻ mạnh dạn tự tin trước đám đông</i>
		88. Biết tìm cách để giải quyết, mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>		
69. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	81. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	89. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.
70. Bỏ rác đúng nơi quy định	82 . Bỏ rác đúng nơi quy định.	90. Biết bỏ rác đúng nơi quy định. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày
<i>70a. Trẻ cảm nhận và thể hiện rõ tình yêu thương của mình với người thân, bạn bè và cô giáo thông qua lời nói và hành động</i>	83. Không bẻ cành, bứt hoa.	91. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
	84. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	<i>91a. Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.</i>
		92. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.

		92a. Trẻ cảm nhận được giá trị yêu thương, chủ động, mạnh dạn bày tỏ và thể hiện tình yêu thương của mình với mọi người và sự vật hiện tượng xung quanh thông qua cảm xúc, cử chỉ, lời nói, sự quan tâm, động viên, chăm sóc và hành động chia sẻ.
--	--	--

## V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ

Mẫu giáo bé	Mẫu giáo nhỡ	Mẫu giáo lớn
<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật</b>		
71. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	85. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	93. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, đánh điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
72. Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	86. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đọc đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	94. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
73. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	87. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	95. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
<b>2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình</b>		
74. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	88. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát,	96. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua

	nét mặt, điệu bộ ...	giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
75. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	89. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa ).	97. Vận động nhịp nhàng, phù hợp với sắc thái nhịp điệu của bài hát bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các tiết tấu, múa)
76. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	90. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	98. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm
<i>76a. Sử dụng chất liệu (đá, vải, gỗ...), kỹ thuật tạo hình, đắp nổi, in dập...</i>	91. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	99. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối
77. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	92. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<i>99a. Tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ</i>
78. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	93. Làm lốm, đổ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	100. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
79. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	94. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	<i>100a. Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản</i> <i>- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn</i>
80. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	95. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	101. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.
81. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.		102. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.
		103. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)</b>		

82. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	96. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	104. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
83. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	97. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	105. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
84. Đặt tên sản phẩm tạo hình	98. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	106. Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
	99. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	107. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

## B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

### I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.
- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Thời gian	Thời lượng	Hoạt động CS – GD	Hoạt động ngoại khóa	Thời lượng
7h00 – 8h00	60 phút	Đón trẻ, chơi ở các góc	Ăn sáng (theo nhu cầu cá nhân)	
8h15 – 8h30	15 phút	Thể dục sáng – Điểm danh		
8h30 – 9h00	30 phút	Hoạt động học		
9h00 – 10h10	70 phút	Hoạt động ngoài trời Hoạt động góc Hoạt động bổ trợ	Hoạt động tại góc Không gian sáng tạo	
10h10 – 10h30	20 phút	Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn		

10h30 - 11h15	45 phút	Ăn bữa chính		
11h15 – 11h45	30 phút	Vệ sinh cá nhân - Chuẩn bị ngủ		
11h45 – 14h00	135 phút	Ngủ trưa		
14h00 – 14h30	30 phút	Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn		
14h30 – 15h	30 phút	Ăn bữa phụ		
15h – 15h15	15 phút	Vệ sinh cá nhân		
15h15 – 16h30	75 phút	Hoạt động chiều Hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ	Hoạt động ngoại khóa: Múa, Võ, Kỹ năng sống. Hoạt động làm quen với Tiếng Anh Hoạt động Nghệ thuật sáng tạo	1 buổi/tuần 1 buổi/tuần 1 buổi/tuần
16h30 – 17h30	60 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích Hoạt động ngoại khóa, hỗ trợ Trả trẻ		

**Ghi chú:** Thời điểm tổ chức các hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động góc và các hoạt động ngoại khóa được sắp xếp đan xen, linh hoạt theo lịch sinh hoạt của từng lớp.

## C. NỘI DUNG

### I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

#### - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương

Đối với trẻ mẫu giáo:

+ Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1470 Kcal.

+ Nhu cầu khuyến nghị về năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày (chiếm 50 – 60% nhu cầu cả ngày): 615 - 726 Kcal.

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Tối thiểu một bữa chính và một bữa phụ.

+ Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: bữa chính buổi trưa cung cấp từ 35% đến 40% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 10% đến 15 % năng lượng cả ngày.

+ Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:

- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 12 - 15 % năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 20 - 30 % năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 55 - 68 % năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 – 2,0 lít / trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Nhà trường đặc biệt chú trọng việc nuôi dưỡng – chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Số lượng trẻ 30 -45 trẻ/lớp với 2 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

### 1. Tổ chức bữa ăn

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Chế độ dinh dưỡng phù hợp theo từng độ tuổi, từng mùa đáp ứng nhu cầu phát triển về thể chất của trẻ. Thực đơn được thay đổi theo tuần.

- Số bữa ăn: 1 bữa chính, 2 bữa phụ.

+ Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn, có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa probi, caramen, phomai hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai đến thứ năm; Tổ chức ăn tự chọn vào thứ sáu hàng tuần và ăn buffet đặc biệt vào các dịp lễ hội.

+ Bữa phụ (chiều): Gồm 3 món, trong đó có: sữa, cháo (bún, phở, mì nui, xôi, súp)

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%; L: 25 - 35%; G: 52- 60%. Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ và cân đối kịp thời: Canxi: 420mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.52mg B1/ngày/trẻ.

- Nước uống: 1,6 lít – 2,0 lít /trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn); nhà trường sử dụng nước lavie trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.

## 2. Tổ chức ngủ

- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 130 phút).
- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cao cấp cho cá nhân trẻ, có rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông;
- Có hệ thống điều hòa nhiệt độ, quạt, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

## 3. Vệ sinh:

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ, khăn thấm mồ hôi...
- Hệ thống cửa ra vào, cửa sổ các lớp học được lắp đặt lưới chống muỗi, chống côn trùng.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.
- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng qui định đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

## 4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.
- Khám tư vấn dinh dưỡng và sức khỏe 1 lần/ năm.
- Tư vấn tâm lý và can thiệp sớm với những trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lý (khám đầu vào).
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lý ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử...
- Tổ chức hội thảo tư vấn cho phụ huynh về: Những vi chất dinh dưỡng cần thiết cho sức khỏe, tầm vóc và trí thông minh cho trẻ;



Những điều cha mẹ cần biết để giúp trẻ phát triển khỏe mạnh.....

- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.

## II. GIÁO DỤC

### 1. Giáo dục phát triển thể chất

**Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: Phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.**

#### a. Phát triển vận động

- Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
- Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tổ chức trong vận động
- Các cử động bàn tay, ngón tay, và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

#### b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

#### a) Phát triển vận động

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5– 6 tuổi
<b>1.Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp</b>	Hô hấp: hít vào, thở ra - Tay: +Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên +Co và ruỗi tay, bắt chéo 2 tay trước	Hô hấp: hít vào, thở ra -Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm mở bàn tay)	-Hô hấp: hít vào, thở ra +Tay: +Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân)

	<p>ngực</p> <p>- Lung, bụng, lườn:</p> <p>+Cúi về phía trước</p> <p>+Quay sang trái, sang phải</p> <p>+Nghiêng người sang trái, sang phải.</p> <p>- Chân:</p> <p>+ Bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi sòng, đứng lên, bật tại chỗ +Co ruỗi chân.</p>	<p>+ Co vào duỗi tay, vổ 2 tay vào nhau, (phía trước, phía sau, trên đầu)</p> <p>-Lung, bụng, lườn:</p> <p>+ Cúi về phía trước, ngửa người ra sau</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải</p> <p>+ Nghiêng người sang trái, sang phải,</p> <p>-Chân:</p> <p>+Nhún chân</p> <p>+Ngồi sòng, đứng lên, bật tại chỗ</p> <p>+Đứng, lần lượt từng chân, co cao đầu gối.</p>	<p>+Co vào duỗi từng tay ,kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn, trước ngực đưa lên cao</p> <p>- Lung, bụng, lườn:</p> <p>+Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>+ Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trá</p> <p>+Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.</p> <p>-Chân:</p> <p>+Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau</p> <p>+ Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau</p>
<p><b>2. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.</b></p>	<p>- Đi và chạy:</p> <p>+Đi kiễng gót.</p> <p>+Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh</p> <p>+Đi chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc</p> <p>+Đi trong đường hẹp</p>	<p>-Đi và chạy:</p> <p>+Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi,</p> <p>+Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn</p> <p>+Đi chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh (đổi hướng) theo vật chuẩn</p>	<p>-Đi và chạy:</p> <p>+ Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khụy gối</p> <p>+Đi trên dây (Dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc</p> <p>+ Đi nổi bàn chân tiến lùi</p> <p>+Đi chạy thay đổi tốc độ, hướng, đích</p>

	<p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+Bò, trườn theo hướng thẳng, đích dắc +Bò chui qua cổng</p> <p>+Trườn về phía trước</p> <p>+Bước lên xuống (bục cao 30cm)</p> <p>-Tung, ném, bắt:</p> <p>+Lăn đập tung bắt bóng với cô</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay</p> <p>+ Ném trúng đích bằng 1 tay</p> <p>+ Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.</p> <p>-Bật- nhảy:</p> <p>+ Bật tại chỗ</p> <p>+Bật về phía trước</p> <p>+Bật xa 20-25cm</p>	<p>+Chạy 15m trong khoảng 10 giây,</p> <p>+Chạy chậm 60-80m</p> <p>- Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m</p> <p>+Bò đích dắc qua 5 điểm</p> <p>+Bò chui qua cổng ống dài 1.2m x 0.6m, +Trườn theo hướng thẳng,</p> <p>+Trèo qua ghế dài 1.5m x 30cm</p> <p>+Trèo lên xuống 5 gióng thang</p> <p>-Tung, ném, bắt;</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt</p> <p>+ Tung bắt bóng với người đối diện</p> <p>+ Đập và bắt bóng tại chỗ</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay</p> <p>+Ném trúng đích bằng 1 tay,</p> <p>+ Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân.</p> <p>-Bật- nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục vào vòng</p> <p>+Bật xa 35-40cm</p> <p>+Bật nhảy từ trên cao xuống 30-35cm</p> <p>+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô</p> <p>+Bật qua vật cản cao 10-15cm</p>	<p>dắc theo hiệu lệnh</p> <p>+Chạy 18 mét trong khoảng 10 giây</p> <p>+Chạy chậm khoảng 100-120 mét</p> <p>-Bò, trườn, trèo:</p> <p>+ Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 đến 5m</p> <p>+ Bò đích dắc qua 7 điểm</p> <p>+ Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m</p> <p>+Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm</p> <p>+Trèo lên xuống 7 gióng thang</p> <p>-Tung, ném bắt:</p> <p>+ Tung bóng lên cao và bắt</p> <p>+ Tung đập bắt bóng tại chỗ,</p> <p>+ Đi và đập bắt bóng</p> <p>+ Ném xa bằng 1 tay, 2 tay</p> <p>+Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay</p> <p>+ Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân.</p> <p>-Bật- nhảy:</p> <p>+ Bật liên tục vào vòng</p> <p>+Bật xa 40-50cm</p> <p>+Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm</p> <p>+ Bật tách chân, khép chân qua 7 ô</p>
--	--	--	---

		+ Nhảy lò cò 3m.	+Bật qua vật cản cao 15-20cm + Nhảy lò cò 5m.
<b>3. Các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay, mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay</li> <li>-Đan, tết</li> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau</li> <li>- Xé, dán giấy</li> <li>-Sử dụng kéo, bút</li> <li>- Tô vẽ nguêch ngoạc</li> <li>-Cài, cời cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Vò, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi,...</li> <li>- Gập giấy</li> <li>- Lắp ghép hình</li> <li>-Xé, cắt đường thẳng</li> <li>- Tô, vẽ hình</li> <li>-Cài cời cúc, khâu, buộc dây</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay</li> <li>- Bẻ, nắn</li> <li>- Lắp ráp</li> <li>-Xé cắt đường vòng cung</li> <li>- Tô đồ theo nét</li> <li>-Cài, cời cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây.</li> </ul>

### b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 – 5 tuổi	5– 6 tuổi
<b>1.Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</b>	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng.</li> <li>-Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Nhân biết phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.</li> <li>- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.</li> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật,(ia chấy,sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)</li> </ul>		
<b>2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Làm quen cách đánh răng, lau mặt</li> <li>-Tập rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>-Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập đánh răng, lau mặt</li> <li>-Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử</li> </ul>

	ngủ, vệ sinh.	-Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
<b>3. Giữ gìn sức khỏe và an toàn</b>	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe -Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.		
	-Nhận biết trang phục theo thời tiết -Nhận biết một số biểu hiện khi ốm  -Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp cần cấp và gọi người giúp đỡ.	-Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết . -Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết -Nhận biết một số biểu hiện khi ốm Và cách phòng tránh đơn giản -Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp cần cấp và gọi người giúp đỡ.	-Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. -Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.  -Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp cần cấp và gọi người giúp đỡ.

b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe. -Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và lợi ích của chúng đối với sức khỏe.  
-Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. -Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

## 2. Giáo dục phát triển nhận thức

### a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

**b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.
- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

**c) Khám phá xã hội**

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI****Khám phá khoa học**

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Các bộ phận của cơ thể con người</b>	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
<b>2. Đồ vật:</b> - Đồ dùng, đồ chơi	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm, chất liệu, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
-Phương tiện giao thông		<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. <i>Chất liệu của đồ dùng, đồ chơi</i></li> <li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.</li> <li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.</li> </ul>
	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
<b>3. Động vật và thực vật</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.</li> <li>- <i>Các bộ phận và chức năng một số bộ phận của cây</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</li> <li>- <i>Vòng đời của cây, con vật</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</li> <li>- <i>Động vật tuyệt chủng và nguy cơ tuyệt chủng</i></li> </ul>
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mỗi liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>4. Một số hiện tượng tự nhiên:</b> <i>Thời tiết, mùa</i>	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
<i>Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng</i>	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. - <i>Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của các hành tinh (dự án)</i>
<i>Nước</i>	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
<i>Không khí, ánh sáng,</i>	Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. <i>Rác thải, môi trường và ảnh hưởng của môi trường đối với đời sống con người</i>	
<i>Đất đá, cát, sỏi</i>	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		
<b>5. Làm quen với máy tính</b>		- <i>Tập thao tác với máy tính thông qua một số trò chơi trên máy tính</i>	- <i>Thực hiện một số kỹ năng sử dụng máy tính đơn giản thông qua một số trò chơi trên máy tính</i>



**Khám phá xã hội**

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.</li> <li>- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.</li> <li>- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo.</li> <li>- Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.</li> <li>- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</li> <li>- Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</li> <li>- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ ở trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.</li> <li>- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.</li> <li>- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.</li> <li>- Đặc điểm. Sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.</li> </ul>
<b>2. Một số nghề trong xã hội</b>	Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	
<b>3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa</b>	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	

**Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán**

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Tập hợp, số</b>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. <i>Đếm ngược từ 0-5. Nhận biết trật tự dãy số từ 5-</i>	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. <i>Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 10. Nhận biết chữ số từ 0-</i>	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. <i>Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 20; Đếm</i>

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>lượng, số thứ tự và đếm</b>	0. Nhận biết chữ số từ 0-5	10. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10	chẵn, đếm lẻ; Đếm cách 5,10. Nhận biết chữ số có 2 chữ số trong phạm vi 20. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10 và tiếp theo theo khả năng
	- Nhận biết 1 và nhiều.	- Nhận biết chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	- Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 20.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		- Gộp các nhóm đối tượng và đếm.
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		- Tách một nhóm thành hai nhóm nhỏ bằng các cách khác nhau.
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	
<b>2. Xếp tương ứng</b>	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
<b>3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc</b>	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	
			- Tạo ra qui tắc sắp xếp.
<b>4. Đo lường</b>		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>5. Hình dạng</b>	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	- Lắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
<b>6. Định hướng trong không gian và định hướng thời gian</b>	Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).  - Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.  - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.  - Gọi tên các thứ trong tuần.  - Nhận biết ngày trên lịch, giờ trên đồng hồ
<b>7. Nhận biết màu sắc</b>	- Nhận biết 3 – 4 màu cơ bản	- Nhận biết 4-5 màu	
<b>8. Làm quen với máy tính</b>		- Thực hiện một số thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi	- Thao tác với máy tính trong một số hoạt động học và trò chơi phù hợp với độ tuổi.

### 3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

**a) Nghe.**

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hàng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca giao, đồng giao phù hợp với độ tuổi.

**b) Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.**

- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hàng ngày Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca giao, đồng giao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

**c) Làm quen với việc đọc, viết**

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

<b>Nội dung</b>	<b>3 - 4 tuổi</b>	<b>4 - 5 tuổi</b>	<b>5 - 6 tuổi</b>
<b>1. Nghe</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu các từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.</li> <li>- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung câu truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</li> <li>-Nghe các bài hát, bài thơ, ca giao,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.</li> <li>- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.</li> <li>-Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng,câu phức.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung câu truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</li> <li>-Nghe các bài hát, bài thơ, ca giao, đồng giao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa</li> <li>-Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp.</li> <li>-Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng,câu phức.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung câu truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.</li> <li>-Nghe các bài hát, bài thơ, ca giao, đồng giao, tục ngữ, câu đố, hò vè</li> </ul>

	đồng giao, tục ngữ, câu đố, hò vè phù hợp với độ tuổi.	hợp với độ tuổi.	phù hợp với độ tuổi.
<b>2. Nói</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các tiếng của tiếng Việt</li> <li>-Bày tỏ tình cảm nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng.</li> <li>-Trả lời và đặt các câu hỏi “Ai?”, “Cái gì?”, “ Ở đâu?”, “ Khi nào?”</li> <li>-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</li> <li>-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</li> <li>-Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân so sánh: “tại sao?”, “có gì giống nhau?”, “có gì khác nhau?”, “do đâu mà có?”</li> <li>-Đặt các câu hỏi: “tại sao?”, “như thế nào?”, “làm bằng gì?”.</li> <li>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</li> <li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</li> <li>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “ Tại sao?”; “Có gì giống nhau?;” “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”</li> <li>- Đặt các câu hỏi: “ tại sao?” ; “Như thế nào?”; “làm bằng gì?”</li> <li>- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp</li> <li>-Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè</li> </ul>		
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại một bài tình tiết của chuyện đã được nghe</li> <li>-Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ</li> <li>-Kể lại sự việc</li> <li>-Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại truyện đã được nghe</li> <li>- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.</li> <li>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.</li> <li>- Đóng kịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.</li> <li>- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.</li> <li>- Kể lại sự việc theo trình tự.</li> </ul>
<b>3. làm quen đọc,</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông,</li> </ul>		

<b>viết</b>	đường cho người đi bộ.		
	- Tiếp xúc với chữ sách truyện	- Nhận dạng một số chữ cái	- Nhận dạng các chữ cái.
	- Tập tô, tập đồ các nét chữ.		
			- Sao chép một số ký hiệu, chữ cái, tên của mình.
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt. + Hướng đọc, viết, từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.		
- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc chuyện. - Giữ gìn sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	

### **Giáo dục phát triển tình cảm xã hội**

#### **a) Phát triển tình cảm**

- Ý thức về bản thân
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

#### **b) Phát triển kỹ năng xã hội**

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

### **NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5- 6 tuổi
<b>1. Phát triển tình cảm</b> <i>- Ý thức về bản thân</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, giới tính.</li> <li>- Những điều bé thích, không thích.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, tuổi, dưới tính</li> <li>- Sở thích, khả năng của bản thân.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở thích, khả năng của bản thân</li> <li>- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.</li> <li>- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học</li> <li>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)</li> <li>- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.</li> <li>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến,</li> </ul>
<i>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc ( vui, buồn, sợ hãi, tức giận,) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.</li> <li>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</li> <li>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) quan nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</li> <li>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</li> <li>- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính yêu Bác Hồ.</li> <li>- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính yêu Bác Hồ.</li> <li>- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> </ul>	
<b>2. phát triển kỹ năng xã hội</b>	Một số quy định ở lớp và gia đình (Đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ )	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (đề đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường)	
<i>- Hành vi và quy</i>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cử chỉ, lời nói, lễ phép (chào hỏi,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Lắng nghe ý kiến của người khác,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử</li> </ul>

<b>tác ứng xử xã hội</b>	cảm ơn). - Chờ đến lượt.	sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, - Chờ đến lượt hợp tác,	dùng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.
	- Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột	- Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình.	
	- Chơi hòa thuận với bạn. - Nhận biết hành vi “đúng”-“ sai”, “tốt”-“ xấu”	- Quan tâm giúp đỡ bạn - Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu”.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn. - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt”-“xấu”.
<b>- Quan tâm đến môi trường.</b>	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối		

### Giáo dục phát triển thẩm mỹ

Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc( nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn ,cắt, xé dán, xếp hình )

Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật âm nhạc tạo hình.

### NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5- 6 tuổi
<b>1.Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật</b>	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc, và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
<b>2. Một số kỹ năng</b>	-Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu	-Nghe và nhận ra các loại nhạc khác	-Nghe và nhận ra các loại nhạc



<b>trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.</b>	nhi, dân ca)	nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)	khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	-Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	-Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	
	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp. -Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé giấy, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét. -Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.	-Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. -Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé giấy, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét. -Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét.	-Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu. -Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. -Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình.)</b>	-Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. -Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	-Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. -Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. -Đặt tên cho sản phẩm của mình.	-Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc. -Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. -Đặt tên cho sản phẩm của mình.
	-Đặt tên cho sản phẩm của mình.		

## D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

### I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

#### 1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

## **2. Hoạt động học**

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự *định hướng, gợi mở* của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

## **3. Hoạt động lao động**

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

## **4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

# **II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

## **1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đèn trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 1/6), Ngày ra trường, Ngày hội sách, Hội chợ Tết, Hội thi vẽ tranh, Sinh nhật của trẻ, giao lưu quốc tế...).

## **2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

### **3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:**

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.

- Tổ chức hoạt động cả lớp.

#### **\* Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục dưới hình thức cá nhân và nhóm nhỏ. Chú ý đến khả năng, năng lực, sự hứng thú của từng trẻ để có biện pháp điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân của trẻ.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động học và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng vận động của trẻ. Tổ chức các hoạt động giao lưu về thể thao, trò chơi vận động giữa các lớp cùng độ tuổi. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ tự nguyện tham gia theo nhu cầu.

- Tổ chức các hoạt động Múa, võ, âm nhạc, nghệ thuật sáng tạo tại phòng chức năng do giáo viên được đào tạo chuyên ngành thực hiện.

- Tổ chức các hoạt động cho trẻ làm quen với tiếng Anh do giáo viên người nước trong nước và nước ngoài giảng dạy

- Tổ chức hoạt động đọc sách, xem phim, đóng kịch.

- Tổ chức cho trẻ chơi sáng tạo tại “Không gian sáng tạo”

## **III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

### **1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm**

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

## **2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa** (*quan sát, làm mẫu, minh họa*)

- Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

## **3. Nhóm phương pháp dùng lời nói**

- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

## **4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ**

- Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

## **5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá**

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

### **\* Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:**

- Tăng cường phương pháp thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Tăng cường hoạt động theo nhóm.

- Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.

- Nâng cao chất lượng áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến với các lĩnh vực phát triển về nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tiến tới lĩnh vực thể chất, tình cảm xã hội...tiến tới cập nhật .

- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:

+ Phương pháp Montessori được tổ chức thực hiện áp dụng linh hoạt, phù hợp trong các hoạt động dạy trẻ kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống.

+ Phương pháp STEAM được áp dụng linh hoạt, phù hợp trong các lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội, lĩnh vực nhận thức,..dưới hình thức dự án STEAM hoặc những hoạt động STEAM

+ Dạy học theo dự án được áp dụng trong những chủ đề lớn, hoặc một dự án độc lập giúp trẻ phát triển lĩnh vực nhận thức và các kỹ năng học tập. Qua các giai đoạn của dự án trẻ nghiên cứu sâu và nghiên cứu những vấn đề mà trẻ quan tâm, muốn giải quyết

+ Dạy học thông qua chơi, kích thích khả năng tư duy với các hoạt động vui chơi và được lồng ghép phù hợp giúp trẻ sáng tạo, tự trải nghiệm, khám phá và học tập theo năng lực của bản thân.

#### **IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Môi trường vật chất**

###### ***a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp***

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung, chủ đề giáo dục.
- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.
- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.
- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.
- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.
- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

###### ***b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:***

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị ngoài trời.
- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.

## **2. Môi trường xa hội**

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi, giáo dục, các kỹ năng xã hội cho trẻ.
- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối liên hệ, thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.
- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

## **E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

Mục đích của việc đánh giá nhằm xác định nhu cầu, hứng thú và khả năng của từng trẻ để giáo viên có thể lựa chọn những tác động chăm sóc giáo dục thích hợp. Đồng thời giáo viên có thể nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình giáo dục của mình để từ đó kịp thời điều chỉnh việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày sao cho phù hợp với trẻ.

### **I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY.**

#### **1. Mục đích đánh giá**

Mục đích của việc đánh giá nhằm xác định nhu cầu, hứng thú và khả năng của từng trẻ để giáo viên có thể lựa chọn những tác động chăm sóc giáo dục thích hợp. Đồng thời giáo viên có thể nhận ra những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình giáo dục của mình để từ đó kịp thời điều chỉnh việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày sao cho phù hợp với trẻ.

#### **2. Nội dung đánh giá**

- Tình trạng sức khỏe của trẻ
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ
- Kiến thức kỹ năng của trẻ
- Những sản phẩm trẻ tạo ra trong quá trình hoạt động
- Mức độ trẻ đạt được so với mục đích, yêu cầu đặt ra
- Những vấn đề cần lưu ý trong việc tổ chức hoạt động giáo dục tiếp theo.

#### **3. Phương pháp đánh giá**

Để đánh giá trẻ trong các hoạt động hằng ngày, giáo viên thường sử dụng các phương pháp đánh giá đơn giản, không cần chuẩn bị trước nhiều và cũng không làm mất nhiều thời gian như: quan sát, trò chuyện, sử dụng những bài tập đánh giá do giáo viên tự thiết kế.v.v..

Hằng ngày giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc giáo dục.

- Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp để đánh giá trẻ như:
- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ
- Sử dụng tình huống
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha, mẹ / người chăm sóc trẻ

## **II. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN**

### **1. Mục đích đánh giá**

Nhằm xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn/chủ đề tiếp theo, giáo viên tiến hành đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm-kỹ năng xã hội (đối với trẻ nhà trẻ) và thẩm mỹ (đối với trẻ mẫu giáo).

### **2. Nội dung đánh giá**

Giáo viên đánh giá kết quả đạt được của trẻ so với mục tiêu phát triển của độ tuổi về các lĩnh vực phát triển theo quy định của chương trình GDMN hoặc theo mục tiêu yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ được xác định của chủ đề giáo dục/giai đoạn. Đồng thời đánh giá sự phù hợp của những nội dung cũng như các hoạt động giáo dục của chủ đề/tháng với năng lực của trẻ, xác định nguyên nhân để bổ sung, điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục của chủ đề/giai đoạn giáo dục tiếp theo.

### **3. Phương pháp đánh giá**

Các phương pháp đánh giá sự phát triển của trẻ tùy thuộc vào sự lựa chọn và sử dụng của giáo viên sao cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của lớp, của trường. Giáo viên có thể sử dụng kết quả đánh giá trẻ hằng ngày và đánh giá trẻ sau chủ đề để làm cơ sở đánh giá sự phát triển của trẻ cuối độ tuổi.

- Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:
- Quan sát
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ

- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ
- Trao đổi với cha, mẹ / người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được ghi vào phiếu đánh giá sự phát triển của trẻ, được lưu vào hồ sơ cá nhân và thông báo cho cha mẹ trẻ cũng như giáo viên phụ trách nơi trẻ sẽ nhập học tiếp theo để cùng phối hợp đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

#### **4. Thời điểm và căn cứ đánh giá**

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.